TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh Pc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24 -7-2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ẩn

Ông Mai Văn To

-Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Hoàng P, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Hoàng P trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, nên ông và bà D tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Sau khi cưới, vợ chồng sống tại xã A, huyện B, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh Pc, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xuyên bất hòa trong chuyện tiền bạc do bà D tiêu xài tiền hoang phí dẫn đến nợ nần. Ông và bà D đã không sống chung từ cuối năm 2019. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà D.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Đỗ Ngọc Như Y, sinh ngày 01/3/2008 và Đỗ Tấn L, sinh ngày 05/01/2011. Hiện các con đang sống với ông, sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà D cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải, để các bên đương sự thỏa thuận giải quyết các tranh chấp trong vụ án, nhưng bà D không đến mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông P không thay đổi lời trình bày của mình, không bổ sung chứng cứ gì thêm. Bà D vắng mặt không lý do, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đỗ Hoàng P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Ngọc D. Đây là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Ngọc D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên bà D không đến. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ cũng như lời trình bày của ông P để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông P, xét thấy:

Ông P và bà D quen biết và được hai gia đình tổ chức lễ cưới năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 19/11/2007, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01. Xác định quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà D là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, cuộc sống chung hạnh Pc. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, thường xuyên cãi nhau trong vấn đề tiền bạc, bà D tiêu xài tiền hoang phí dẫn đến nợ nần. Ông P và bà D đã không còn sống chung từ cuối năm 2019 đến nay. Do đó, có cơ sở cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà D không hạnh Pc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông P yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ly hôn.

Về con chung: Ông P và bà D có 02 con chung Đỗ Ngọc Như Y, sinh ngày 01/3/2008 và Đỗ Tấn L, sinh ngày 05/01/2011. Hiện nay, cháu đang sống chung với ông P. Sau khi ly hôn ông P yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, cháu Y, cháu L hiện nay sống với cha, từ khi ông P và bà D không chung sống với nhau, cháu Y, cháu L do ông P nuôi dưỡng, cháu vẫn phát triển tốt. Từ cuối năm 2019 đến nay bà D cũng không thăm nom, chăm sóc con. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, bà D mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu

Đỗ Ngọc Như Y, sinh ngày 01/3/2008 và Đỗ Tấn L, sinh ngày 05/01/2011 cho ông P nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà, ông P không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của ông P, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung và tài sản chung. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản, nợ chung, có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông P là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hoàng P đối với bà Lê Thị Ngọc D.

Về hôn nhân: Ông Đỗ Hoàng P được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc D.

Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Ngọc Như Y, sinh ngày 01/3/2008 và Đỗ Tấn L, sinh ngày 05/01/2011 cho ông Đỗ Hoàng P tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Hoàng P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001798, ngày 27/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Ông P đã nộp xong.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Ẩn – Mai Văn To **Nguyễn Thị Lệ Thu**